

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	14 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Cavico Cung ứng Nhân lực) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 13 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mã số doanh nghiệp là 0102307343, bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty, tăng vốn điều lệ (từ 50 tỷ đồng lên thành 172 tỷ đồng) và thay đổi địa chỉ trụ sở chính, trong đó, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 9 năm 2017.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024 3 573 8555
- Fax : 024 3 856 4666

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
 - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất;
 - Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê;
 - Xây dựng đường hầm;
 - Các công trình xây dựng khác không phải nhà cửa như: Các công trình thể thao ngoài trời;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, kính phẳng, ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác, bình đun nước nóng, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cốc chữ T, ống cao su, dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác:
 - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
 - Cho thuê máy móc và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp, xây dựng và văn phòng;
 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ;
 - Cho thuê xe có động cơ;
 - Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
 - Cung ứng lao động tạm thời;
 - Giáo dục nghề nghiệp: dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
 - Cung ứng và quản lý nguồn lao động: cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo giấy phép số 209/LĐT BXH-GP ngày 09/11/2009);
 - Kinh doanh bất động sản, dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước.
- (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Phi	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Loan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2013
Ông Đào Tiến Dương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Duy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016
Ông Ngô Văn Tĩnh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Văn Trọng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Bà Ngô Thị Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Hữu Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2008
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2011
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2008).

CH
C
CH
MT
T
G

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

Ngày 19 tháng 3 năm 2018

TH
NG
H
&
H
A



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trưng Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area,
Phước Hải Ward, Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : I5-13 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 2.0243/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2018, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

NH
TY
HUU
TU
C
NO
TP

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Phạm Quang Huy - Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2018-008-1

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2014-008-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		218.205.577.564	326.568.426.358
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.342.314.041	32.693.330.449
1. Tiền	111		16.342.314.041	19.063.330.449
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	13.630.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.950.867.874	5.445.814.720
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	4.950.867.874	5.445.814.720
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		117.011.169.928	113.291.636.585
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	91.423.168.031	71.200.089.278
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	13.424.865.579	8.752.579.422
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	49.933.804.245	61.440.542.320
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(37.770.667.927)	(28.101.574.435)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		72.392.982.134	163.547.157.380
1. Hàng tồn kho	141	V.7	72.392.982.134	163.547.157.380
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.508.243.587	11.590.487.224
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.631.962.919	2.471.997.656
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.721.613.555	9.118.489.568
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	154.667.113	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		191.285.775.238	105.833.656.807
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.073.302.995	40.280.539.555
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	16.073.302.995	39.021.739.555
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	-	1.258.800.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		148.022.113.853	56.102.071.555
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	67.815.952.563	55.948.471.213
<i>Nguyên giá</i>	222		186.209.121.031	164.254.745.779
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(118.393.168.468)	(108.306.274.566)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	80.206.161.290	153.600.342
<i>Nguyên giá</i>	228		80.320.961.444	247.455.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(114.800.154)	(93.854.658)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		245.730.945	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	245.730.945	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		19.928.851.544	3.085.702.876
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	13.200.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	6.728.851.544	3.085.702.876
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.015.775.901	6.365.342.821
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.719.392.759	375.601.224
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	70.254.556
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.12	5.296.383.142	5.910.487.041
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		409.491.352.802	432.402.083.165

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		172.682.091.570	222.072.766.654
I. Nợ ngắn hạn	310		161.715.094.093	215.134.037.312
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	59.544.010.259	82.597.332.325
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	38.151.944.178	77.660.311.215
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	7.629.559.632	4.057.432.590
4. Phải trả người lao động	314		12.405.211.499	10.289.139.486
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	4.170.134.779	824.989.061
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17a	181.426.328	125.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	3.769.267.605	2.052.395.364
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	30.479.893.210	31.883.826.592
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	5.383.646.603	5.643.610.679
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.966.997.477	6.938.729.342
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	7.533.019.311	6.624.090.435
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17b	75.235.114	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	27.500.000	27.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	2.988.822.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		342.421.052	287.138.907
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		236.809.261.232	210.329.316.511
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	236.809.261.232	210.329.316.511
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(211.950.000)	(211.950.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.195.161.084	4.919.376.871
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.509.201.733	13.525.189.172
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.984.189.035	13.525.189.172
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.525.012.698	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		42.316.848.415	20.096.700.468
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		409.491.352.802	432.402.083.165

Người lập biểu



Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2018



Kim Ngọc Nhân



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	434.413.669.677	347.871.269.145
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		434.413.669.677	347.871.269.145
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	385.026.513.372	295.560.192.418
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.387.156.305	52.311.076.727
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.708.250.629	2.052.629.003
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.146.421.450	4.043.844.941
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.301.942.595	2.465.659.211
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	789.508.022
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.775.514.030	17.819.193.567
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	31.475.403.899	28.386.640.859
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.698.067.555	4.903.534.385
12. Thu nhập khác	31	VI.7	2.067.753.503	3.652.230.765
13. Chi phí khác	32	VI.8	5.270.514.382	3.498.306.328
14. Lợi nhuận khác	40		(3.202.760.879)	153.924.437
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.495.306.676	5.057.458.822
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	5.662.129.330	1.937.213.249
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		125.536.701	317.684.351
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.707.640.645	2.802.561.222
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4.525.012.698	1.885.514.788
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.182.627.947	917.046.434
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	263	102
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	263	102

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngay 19 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Ngô Văn Tĩnh



Đinh Thị Thủy



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.495.306.676	5.057.458.821
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		19.152.568.667	11.265.256.981
- Các khoản dự phòng	03		9.669.093.492	10.535.349.807
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	V.6	(118.868.028)	(41.629.359)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(203.797.392)	(2.184.689.057)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.301.942.595	2.465.659.211
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.296.246.010	27.097.406.404
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.583.298.948	(20.279.028.533)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		91.154.175.246	21.004.443.929
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(38.226.806.135)	(39.767.491.627)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.503.756.798)	4.209.786.728
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.274.358.621)	(2.472.404.321)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(7.120.816.617)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	4.972.754.117
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(525.180.000)	(781.394.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		98.503.618.650	(13.136.744.669)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(119.680.377.026)	(1.519.892.205)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		5.805.501.518	5.410.909.090
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.322.422.506)	(16.260.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.174.220.684	39.574.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	-	(15.839.679.345)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		577.140.710	1.930.581.533
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(116.445.936.620)	13.295.919.073

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	56.522.162.569		79.731.791.766
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(54.937.273.951)		(90.820.970.738)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		(17.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.584.888.618		(28.289.178.972)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(16.357.429.352)		(28.130.004.569)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	32.693.330.449		60.820.506.022
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.412.944		2.828.996
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	16.342.314.041		32.693.330.449

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2018



Kim Ngọc Nhân

TP. HÀ NỘI
T. C. P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC
VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng và cung ứng nhân lực.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 05 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thành lập công ty con

Trong năm, Công ty đã tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần CM Nha Trang với tỷ lệ góp vốn là 66,26% vốn điều lệ.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CM Xây dựng (*)	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp và Thương mại	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần CM Thành Đông (*)	Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.	Xây lắp và Thương mại	79,69%	79,69%	69,67%	69,67%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV	Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông	Xây lắp	68,44%	68,44%	68,44%	68,44%
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	Số 47/10 Nguyễn Thiện Thuật, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Dịch vụ	66,26%	66,26%	66,26%	66,26%

(*) Công ty TNHH CM Xây dựng và Công ty Cổ phần CM Thành Đông là Công ty con của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin có trụ sở chính tại 32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ, hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 23,32%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 335 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 430 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ}$$

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5
Tài sản cố định khác	3

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhận diện thương hiệu

Nguyên giá của nhận diện thương hiệu bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhận diện thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn là dự phòng bảo hành công trình xây dựng, được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.356.398.834	910.734.890
Tiền gửi ngân hàng	11.985.915.207	18.152.595.559
Các khoản tương đương tiền (là tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở xuống)	-	13.630.000.000
Cộng	<u>16.342.314.041</u>	<u>32.693.330.449</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	4.950.867.874	4.950.867.874	5.445.814.720	5.445.814.720
Tiền gửi có kỳ hạn	4.950.867.874	4.950.867.874	5.445.814.720	5.445.814.720
Dài hạn	6.728.851.544	6.728.851.544	3.085.702.876	3.085.702.876
Tiền gửi có kỳ hạn	2.168.851.544	2.168.851.544	3.085.702.876	3.085.702.876
Trái phiếu	4.560.000.000	4.560.000.000	-	-
Cộng	11.679.719.418	11.679.719.418	8.531.517.596	8.531.517.596

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	13.200.000.000	-
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	-	-
Cộng	13.200.000.000	-

Trong năm Tập đoàn đã mua 1.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin (Vietin) với giá mua là 13.200.000.000 VND. Theo đó, từ ngày 20 tháng 12 năm 2017, Vietin chính thức trở thành Công ty liên kết của Tập đoàn. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 1.320.000 cổ phiếu, tương đương 23,32% vốn điều lệ của Vietin.

Giao dịch với công ty liên kết

Từ ngày 20 tháng 12 năm 2017 cho đến ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	91.423.168.031	71.200.089.278
Công ty SK Engineering and Construction	37.255.180.018	8.219.646.035
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	13.927.265.023	5.906.047.298
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng cầu đường Sài Gòn	11.842.568.480	-
Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV	10.303.636.692	15.365.681.496
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	8.219.169.047	15.376.487.348
Công ty TNHH MTV Than Khe Chàm – Vinacomín	1.195.948.350	6.873.352.793
Công ty TNHH Xuân Thiện Ninh Bình	-	6.535.752.100
Các khách hàng khác	8.679.400.421	12.923.122.208
Cộng	91.423.168.031	71.200.089.278

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	16.073.302.995	39.021.739.555
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4	7.081.782.000	5.772.774.000
Ban Quản lý Dự án Bồi thường, Hỗ trợ tái định cư và Xây dựng Hệ thống Kênh mương Công trình thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty SK Engineering and Construction	-	12.129.708.772
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	-	8.021.217.725
Các khách hàng khác	5.491.520.995	9.598.039.058
Cộng	<u>16.073.302.995</u>	<u>39.021.739.555</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	13.424.865.579	8.752.579.422
Công ty Cổ phần Điện lạnh và Xây lắp Việt Nam	8.388.218.540	-
Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc – Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Trường Phát	-	3.837.592.759
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kỹ thuật Abel Việt Nam	-	1.771.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hào	-	1.157.099.717
Các nhà cung cấp khác	4.036.647.039	986.886.946
Cộng	<u>13.424.865.579</u>	<u>8.752.579.422</u>

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.306.370.601	-	1.828.967.958	-
Ông Kim Ngọc Nhân – Ứng trước tiền lương	1.244.400.000	-	1.346.270.868	-
Ông Dương Ngọc Trường - Ứng trước tiền lương	61.500.000	-	282.697.090	-
Bà Nguyễn Thị Loan - Tiền cho vay không tính lãi	-	-	200.000.000	-
Ông Phạm Thế Phương – Ứng trước tiền lương.	470.601	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	48.627.433.644	(30.005.377.877)	59.611.574.362	(21.540.049.741)
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên – Tiền lãi vay, tiền chi hộ	21.540.049.741	(21.540.049.741)	21.540.049.741	(21.540.049.741)
Công ty TNHH Cavico Việt Nam - Tiền chi hộ	12.610.656.272	(6.305.328.136)	12.610.656.272	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cavico Khai thác mỏ và Xây dựng – Tiền chi hộ	5.700.000.000	(2.100.000.000)	3.000.000.000	
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	3.293.499.319	-	6.040.615.520	
Tạm ứng	868.582.422	-	1.848.391.072	
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	406.701.190	-	475.317.429	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn	-	-	13.200.000.000	
Ứng trước tiền lương	-	-	179.399.317	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.207.944.700	(60.000.000)	717.145.011	
Cộng	49.933.804.245	(30.005.377.877)	61.440.542.320	(21.540.049.741)

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định.

6. Nợ xấu

Toàn bộ các khoản nợ xấu đều là nợ phải thu của các tổ chức, cá nhân không phải bên liên quan phát sinh từ các năm trước.

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm		
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Trên 3 năm	21.540.049.741	-	Trên 3 năm	21.540.049.741	-
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	12.610.656.272	6.305.328.136			
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác Mỏ và Xây dựng	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	3.000.000.000	900.000.000			
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	5.906.047.298	1.771.814.189	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.906.047.298	2.953.023.649
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	Trên 3 năm	2.267.704.120	-	Trên 3 năm	2.267.704.120	-
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	Trên 3 năm	704.446.925	-	Trên 3 năm	704.446.925	-
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Thành Vương	Trên 3 năm	440.000.000	-	Trên 3 năm	440.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Việt Hoa	Trên 3 năm	62.500.000	-	Trên 3 năm	62.500.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế REENCO Việt Nam	Trên 3 năm	60.000.000	-			
Công ty Cổ phần Anh Cao	Trên 3 năm	55.850.000	-	Trên 3 năm	55.850.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đô thị Hà Nội	Trên 3 năm	50.000.000	-	Trên 3 năm	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Hạ tầng	Trên 3 năm	28.000.000	-	Trên 3 năm	28.000.000	-
Công ty Truyền thông Tầm nhìn thương hiệu	Trên 3 năm	18.000.000	-			
Công ty Cổ phần Việt Group	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	9.111.791	4.555.895			
Cộng		46.752.366.147	8.981.698.220		31.054.598.084	2.953.023.649

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	28.101.574.435	17.566.224.628
Trích lập dự phòng bổ sung	9.669.093.492	10.535.349.807
Số cuối năm	<u>37.770.667.927</u>	<u>28.101.574.435</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	1.587.080.214	-	62.481.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	11.851.676.695	-	8.229.752.850	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	58.617.600.379	-	154.760.172.914	-
Thành phẩm	-	-	160.252.268	-
Hàng hóa	138.593.846	-	334.498.348	-
Hàng gửi đi bán	198.031.000	-	-	-
Cộng	<u>72.392.982.134</u>	-	<u>163.547.157.380</u>	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.425.791.865	1.397.266.817
Chi phí xuất nhập cảnh lao động	550.703.378	-
Phí bảo lãnh	349.990.936	470.504.949
Chi phí bảo hiểm	18.099.791	6.677.503
Chi phí sửa chữa tài sản	96.358.502	301.437.613
Chi phí thuê văn phòng, thuê sân, bãi đỗ xe	16.500.000	169.090.908
Phí đường bộ	33.653.490	15.988.273
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	140.864.957	111.031.593
Cộng	<u>2.631.962.919</u>	<u>2.471.997.656</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ trên 12 tháng	1.401.038.925	365.643.117
Các chi phí trả trước dài hạn khác	318.353.834	9.958.107
Cộng	<u>1.719.392.759</u>	<u>375.601.224</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	23.447.872.516	91.959.401.567	47.136.807.255	740.280.788	970.383.653	164.254.745.779
Mua trong năm	1.006.277.356	17.493.641.208	3.546.091.636	841.818.182	-	22.887.828.382
Đầu tư XDCB hoàn thành	14.087.784.756	-	-	316.310.142	-	14.404.094.898
Thanh lý, nhượng bán	(1.006.277.356)	(8.483.770.550)	(5.847.500.122)	-	-	(15.337.548.028)
Số cuối năm	37.535.657.272	100.969.272.225	44.835.398.769	1.898.409.112	970.383.653	186.209.121.031
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	4.066.917.420	438.600.000	411.908.848	970.383.653	5.887.809.921
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	5.346.539.358	67.802.263.935	33.462.578.141	724.509.479	970.383.653	108.306.274.566
Khấu hao trong năm	2.430.802.616	11.375.429.684	5.211.951.324	113.439.547	-	19.131.623.171
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.120.683.977)	(1.924.045.292)	-	-	(9.044.729.269)
Số cuối năm	7.777.341.974	72.057.009.642	36.750.484.173	837.949.026	970.383.653	118.393.168.468
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	18.101.333.158	24.157.137.632	13.674.229.114	15.771.309	-	55.948.471.213
Số cuối năm	29.758.315.298	28.912.262.583	8.084.914.596	1.060.460.086	-	67.815.952.563
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.371.161.681 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Liên Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	-	209.455.000	38.000.000	247.455.000
Mua trong năm	80.073.506.444	-	-	80.073.506.444
Số cuối năm	80.073.506.444	209.455.000	38.000.000	80.320.961.444
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	38.000.000	38.000.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	55.854.658	38.000.000	93.854.658
Khấu hao trong năm	-	20.945.496	-	20.945.496
Số cuối năm	-	76.800.154	38.000.000	114.800.154
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	153.600.342	-	153.600.342
Số cuối năm	80.073.506.444	132.654.846	-	80.206.161.290
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	794.545.454	(794.545.454)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	-	14.649.825.843	(14.404.094.898)	245.730.945
Công trình tòa nhà văn phòng	-	14.404.094.898	(14.404.094.898)	-
Công trình Khách sạn Nha Trang	-	245.730.945	-	245.730.945
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	-	-
Cộng	-	15.444.371.297	(15.198.640.352)	245.730.945

12. Lợi thế thương mại

Là khoản phát sinh khi mua Công ty con - Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường – TKV.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.919.487.041	-
Số phát sinh	-	6.231.038.991
Số phân bổ	(623.103.899)	(311.551.950)
Số cuối năm	5.296.383.142	5.919.487.041

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn****13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	59.544.010.259	82.597.332.325
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Trường Phát	11.571.574.975	-
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Huy Hùng	6.038.825.952	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Trung Hải	-	25.749.712.711
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương Mại Thanh Phú	-	6.592.656.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị Hud Sài Gòn	-	5.822.180.350
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	-	4.500.000.000
Công ty Khai thác Khoáng sản Tây Nguyên	-	3.676.463.828
Các nhà cung cấp khác	41.933.609.332	36.256.319.436
Cộng	<u>59.544.010.259</u>	<u>82.597.332.325</u>

13b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	7.533.019.311	6.624.090.435
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	2.979.182.278	2.979.182.278
Công ty TNHH Hòa Hiệp	2.401.825.000	2.401.825.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Trường Phát	1.132.301.645	-
Các nhà cung cấp khác	1.019.710.388	1.243.083.157
Cộng	<u>7.533.019.311</u>	<u>6.624.090.435</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	38.151.944.178	77.660.311.215
Hazama Ando Corporation	18.341.532.936	-
Công ty SK Engineering and Construction	10.386.991.476	7.953.918.365
Ban quản lý dự án Quản lý thiên tai (WB5) tỉnh Bình Định	4.852.376.000	-
Duglas Alliance	4.378.000.000	4.378.000.000
BQL Dự án nhà máy Alumina Nhân Cơ	-	49.662.602.983
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	-	8.672.852.101
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Hud Sài Gòn	-	6.799.894.000
Các khách hàng khác	193.043.766	193.043.766
Cộng	<u>38.151.944.178</u>	<u>77.660.311.215</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Giảm khác (*)	Phải nộp	Phải thu	
	Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.049.619.923	-	7.862.999.065	(8.689.960.043)	(241.687.326)	1.083.955.139	102.983.520
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	176.652.559	(176.652.559)	-	-	-	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	12.373.992	(12.373.992)	-	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp(**)	1.588.094.299	-	6.029.569.673	(2.269.332.941)	-	5.348.331.031	-	
Thuế thu nhập cá nhân	259.138.660	-	657.703.883	(439.809.391)	(119.765.007)	408.951.738	51.683.593	
Các loại thuế khác	-	-	13.500.000	(13.500.000)	-	-	-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	160.579.708	-	632.677.992	(4.935.976)	-	788.321.724	-	
Cộng	4.057.432.590	-	15.385.477.164	(11.606.564.902)	(361.452.333)	7.629.559.632	154.667.113	

(*) Khoản giảm thuế GTGT hàng nội địa theo quyết định kiểm tra thuế số 7761 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của cơ quan thuế tại Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại.

- Khoản giảm thuế thu nhập cá nhân theo quyết toán thuế TNCN năm 2016 của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường – TKV.

(**) Trong năm, Tập đoàn phát sinh thêm khoản thuế TNDN năm 2016 nộp bổ sung cho dự án Xenamnoy tại Lào là 367.440.343 VND.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là 0%, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.346.592.569	1.937.213.249
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung tại Lào	367.440.343	276.000.000
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	2.315.536.761	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>6.029.569.673</u>	<u>2.213.213.249</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.170.134.779	824.989.061
Chi phí lãi vay phải trả	106.138.305	78.554.331
Trích trước chi phí công trình	1.587.504.704	640.848.960
Tiền phí bảo vệ môi trường phải nộp	2.375.906.000	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	100.585.770	105.585.770
Cộng	<u>4.170.134.779</u>	<u>824.989.061</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn**17a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Là tiền nhận trước về cho thuê lán trại, văn phòng cho các đối tượng không phải bên liên quan.

17b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là tiền nhận trước về cho thuê lán trại cho các đối tượng không phải bên liên quan.

18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	3.769.267.605	2.052.395.364
Kinh phí công đoàn	232.853.778	276.271.776
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	714.381.223	292.705.487
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	915.766.996	1.114.930.426
Cổ tức phải trả	1.372.380.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	533.885.608	368.487.675
Cộng	<u>3.769.267.605</u>	<u>2.052.395.364</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18b. Phải trả dài hạn khác**

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	30.479.893.210	31.883.826.592
Vay ngắn hạn ngân hàng	28.597.885.210	31.550.493.592
<i>Vay Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt</i>	-	15.655.207.185
<i>Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây⁽ⁱ⁾</i>	5.759.434.925	15.895.286.407
<i>Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình⁽ⁱⁱ⁾</i>	1.942.854.318	-
<i>Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	20.895.595.967	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	1.882.008.000	333.333.000
Cộng	<u>30.479.893.210</u>	<u>31.883.826.592</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp, thời hạn vay 04 tháng hoặc 05 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt để thanh toán các khoản lương phải trả cán bộ công nhân viên, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp. Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt để thanh toán các khoản lương phải trả cán bộ công nhân viên, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp và các khoản lương cho cán bộ công nhân viên, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	31.550.493.592	51.206.162.569	-	(54.158.770.951)	28.597.885.210
Vay dài hạn đến hạn trả	333.333.000	-	1.882.008.000	(333.333.000)	1.882.008.000
Cộng	<u>31.883.826.592</u>	<u>51.206.162.569</u>	<u>1.882.008.000</u>	<u>(54.492.103.951)</u>	<u>30.479.893.210</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.988.822.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	2.988.822.000	-
<i>Vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình⁽ⁱ⁾</i>	<i>1.412.822.000</i>	-
<i>Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>1.576.000.000</i>	-
Cộng	<u>2.988.822.000</u>	<u>-</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp với lãi suất cố định năm đầu theo từng khế ước từ 7,69% - 8%, thả nổi trong các năm tiếp theo. Thời hạn của khoản vay 02 đến 03 năm theo từng khế ước kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp với lãi suất cố định năm đầu 9%, thả nổi trong các năm tiếp theo. Thời hạn của khoản vay là 03 năm kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.882.008.000	333.333.000
Trên 1 năm đến 5 năm	2.988.822.000	-
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>4.870.830.000</u>	<u>333.333.000</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng trong năm nay như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	333.334.668
Số tiền vay phát sinh	5.316.000.000	-
Số tiền vay đã trả	(445.170.000)	-
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(1.882.008.000)	(333.334.668)
Số cuối năm	<u>2.988.822.000</u>	<u>-</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	3.500.345.315	-	(252.000.000)	3.248.345.315
Quỹ phúc lợi	2.143.265.364	-	(273.180.000)	1.870.085.364
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	265.215.924	-	265.215.924
Cộng	<u>5.643.610.679</u>	<u>265.215.924</u>	<u>(525.180.000)</u>	<u>5.383.646.603</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	3.972.746.872	29.915.332.837	2.642.604.579	208.318.734.288
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	1.885.514.788	-	1.885.514.788
Trích lập các quỹ	-	-	946.629.999	(946.629.999)	-	-
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(17.200.000.000)	-	(17.200.000.000)
Phụ cấp HĐQT	-	-	-	(129.000.000)	-	(129.000.000)
Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	(28.454)	28.454	-
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	17.454.067.435	17.454.067.435
Số dư cuối năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	4.919.376.871	13.525.189.172	20.096.700.468	210.329.316.511
Số dư đầu năm nay	172.000.000.000	(211.950.000)	4.919.376.871	13.525.189.172	20.096.700.468	210.329.316.511
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.525.012.698	1.182.627.947	5.707.640.645
Trích lập các quỹ	-	-	275.784.213	(541.000.137)	-	(265.215.924)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(1.262.480.000)	(1.262.480.000)
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	22.300.000.000	22.300.000.000
Số dư cuối năm nay	172.000.000.000	(211.950.000)	5.195.161.084	17.509.201.733	42.316.848.415	236.809.261.232

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.200.000	17.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	17.200.000	17.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.200.000	17.200.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.200.000	17.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.200.000	17.200.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ/ĐHĐCĐ/CMVN ngày 27 tháng 4 năm 2017 như sau:

VND

Trích quỹ đầu tư phát triển : 94.275.739

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán***Ngoại tệ các loại***

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	104.038,59	12.830,98
Kíp Lào (LAK)	1.441.962,40	1.147.366,20
Baht Thái Lan (THB)	5.125,00	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	8.008.065.219	70.051.055.629
Doanh thu bán thành phẩm	37.308.637.277	20.714.351.650
Doanh thu cung cấp dịch vụ	404.702.194	3.868.995.966
Doanh thu hợp đồng xây dựng	386.514.462.659	252.971.960.540
Doanh thu khác	2.177.802.328	264.905.360
Cộng	<u>434.413.669.677</u>	<u>347.871.269.145</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.818.609.505	51.069.185.576
Giá vốn của thành phẩm đã bán	40.060.271.121	19.519.862.962
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.079.601.520	3.483.520.807
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	337.227.557.776	221.386.963.136
Giá vốn sản phẩm khác	1.840.473.450	100.659.937
Cộng	<u>385.026.513.372</u>	<u>295.560.192.418</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	983.841.900	1.241.244.437
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	34.187.320	66.113.108
Lãi tiền cho vay	-	73.819.375
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	571.353.381	629.822.724
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	118.868.028	41.629.359
Cộng	<u>1.708.250.629</u>	<u>2.052.629.003</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.301.942.595	2.465.659.211
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.842.578.855	952.546.525
Chi phí tài chính khác	1.900.000	625.639.205
Cộng	<u>3.146.421.450</u>	<u>4.043.844.941</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.775.514.030	17.816.860.237
Các chi phí khác	-	2.333.330
Cộng	<u>1.775.514.030</u>	<u>17.819.193.567</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.432.711.321	8.836.435.641
Chi phí vật liệu quản lý	37.109.382	300.096.333
Chi phí đồ dùng văn phòng	321.990.307	948.727.780
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.220.343.846	2.766.659.374
Thuế, phí và lệ phí	363.462.936	337.913.548
Dự phòng phải thu khó đòi	9.669.093.492	10.535.349.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.161.584.735	3.362.968.274
Các chi phí khác	2.269.107.880	1.298.490.102
Cộng	<u>31.475.403.899</u>	<u>28.386.640.859</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	2.058.813.818
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.265.198.686
Thu phí bảo hiểm được hoàn	34.767.193	97.014.473
Thu từ bán vật tư	1.919.021.764	60.786.900
Thu khác	113.964.546	170.416.888
Cộng	<u>2.067.753.503</u>	<u>3.652.230.765</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản thuế bị phạt, bị truy thu	1.343.191.124	1.495.803.840
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	780.044.508	560.373.441
Chi phí thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài không được khấu trừ	367.440.343	276.000.000
Phạt chậm nộp bảo hiểm	46.925.053	203.985.140
Truy thu phí bảo vệ môi trường	2.175.906.000	-
Chi khác	557.007.354	962.143.907
Cộng	<u>5.270.514.382</u>	<u>3.498.306.328</u>

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.525.012.698	1.885.514.788
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(129.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.525.012.698	1.756.514.788
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	17.200.000	17.200.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>263</u>	<u>102</u>

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.213.840.966	86.323.502.233
Chi phí nhân công	81.137.143.360	90.452.869.368
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.152.568.667	18.616.862.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.091.896.128	118.330.751.035
Chi phí khác	19.720.800.140	14.977.956.402
Cộng	<u>317.316.249.261</u>	<u>328.701.941.521</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Các thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Phụ cấp chi trả cho HĐQT	150.000.000	138.000.000
<i>Ban Tổng Giám đốc</i>		
Vay Bà Đinh Thị Thùy	-	3.160.000.000
Trả lại tiền vay	-	3.160.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp	2.801.650.451	1.809.240.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin là công ty liên kết.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Tập đoàn không có công nợ với bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Tập đoàn như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	321.636.391.615	112.777.278.062	434.413.669.677
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	321.636.391.615	112.777.278.062	434.413.669.677
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	35.325.149.726	14.062.006.579	49.387.156.305
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(33.250.917.929)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			16.136.238.376
Doanh thu hoạt động tài chính			1.708.250.629
Chi phí tài chính			(3.146.421.450)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			-
Thu nhập khác			2.067.753.503
Chi phí khác			(5.270.514.382)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(5.662.129.330)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(125.536.701)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			5.707.640.645
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	27.262.167.102	10.879.889.543	38.142.056.645
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	15.506.345.853	4.305.644.433	19.811.990.286
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-
Năm trước	256.477.710.531	91.393.558.614	347.871.269.145
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	256.477.710.531	91.393.558.614	347.871.269.145
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	256.477.710.531	91.393.558.614	347.871.269.145

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	46.388.951.996	5.922.124.731	52.311.076.727
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(46.205.834.426)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			6.105.242.301
Doanh thu hoạt động tài chính			2.052.629.003
Chi phí tài chính			(4.043.844.941)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			789.508.022
Thu nhập khác			3.652.230.765
Chi phí khác			(3.498.306.328)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.937.213.249)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(317.684.351)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2.802.561.222
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.741.267.959	291.727.273	6.032.995.232
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	12.938.415.030	76.649.317	13.015.064.347
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Tập đoàn như sau:			
	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	218.600.791.757	42.529.479.545	261.130.271.302
Tài sản phân bổ cho bộ phận	62.605.706.358	21.951.810.610	84.557.516.968
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			63.803.564.532
Tổng tài sản			409.491.352.802
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	12.455.304.050	25.953.301.570	38.408.605.620
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	86.715.515.048	30.405.576.010	117.121.091.058
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			17.152.394.892
Tổng nợ phải trả			172.682.091.570
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	296.428.692.533	42.041.344.314	338.470.036.848
Tài sản phân bổ cho bộ phận	2.628.420.435	372.778.787	3.001.199.222
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			90.930.847.095
Tổng tài sản			432.402.083.165
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	65.197.415.302	12.587.895.913	77.785.311.215
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	111.874.314.100	21.599.970.102	133.474.284.202
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			10.813.171.237
Tổng nợ phải trả			222.072.766.654

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực thương mại: Bán vật tư, hàng hóa.
- Các lĩnh vực khác: Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, cho thuê văn phòng và cho thuê thiết bị thi công.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lĩnh vực xây lắp	386.514.462.659	252.971.960.540
Lĩnh vực thương mại	45.316.702.496	90.765.407.279
Lĩnh vực khác	2.582.504.522	4.133.901.326
Cộng	<u>434.413.669.677</u>	<u>347.871.269.145</u>

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Tổng Giám đốc

Kim Ngọc Nhân